

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH QUẢNG NAM

Bản án số: 52/2024/HS-ST

Ngày: 28/5/2024

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thúy Nga;

Ông Trịnh Sơn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Quảng Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: **46/2024/TLST-HS** ngày 09 tháng 5 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **57/2024/QĐXXST-HS** ngày 13 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Trịnh N, sinh ngày 24 tháng 8 năm 1998 tại: huyện D, tỉnh Q; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Duy Q, sinh năm 1969 và bà Dương Thị M, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 16/02/2023, bị UBND thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/3/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện D; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Trường Mầm non số 2 N.

Địa chỉ: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị S- chức vụ: Hiệu trưởng; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964

Nơi thường trú: thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Số 15 Nguyễn K, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Bà Trần Thị V, sinh năm 1975

Trú tại: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Bà Dương Thị M, sinh năm 1969

Trú tại: khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam; có mặt.

- Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1979

Nơi thường trú: thôn M, xã P, huyện D, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: khối 3, thị trấn T, huyện N, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

- Ông **Nguyễn H**, sinh năm 1957

Trú tại: thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

* *Người làm chứng*: Bà **Võ Thị Phương Đ**, sinh năm 1980

Trú tại: thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/02/2023, Lê Trịnh Nghĩa bị UBND thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 16/12/2023 đến ngày 17/12/2023 Lê Trịnh N đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản như sau:

- **Vụ thứ nhất:** Vào khoảng 18 giờ 00 ngày 16/12/2023, Lê Trịnh N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92N7-8514 đến nhà bạn là Lê Văn V (sinh năm 1991; trú tại thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam) để nhậu. Đến 21 giờ 00 cùng ngày thì N nghỉ nhậu đi về, lúc này N thấy nhà của bà Nguyễn Thị C (gần nhà V, bà C hiện đang sinh sống tại Đà Nẵng, bà C giao cho ông Nguyễn H là anh ruột quản lý) bỏ hoang nên N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó, N điều khiển xe vào nhà bà C dựng xe phía trước hàng rào, tháo hàng rào đi vào bên trong trộm 01 cánh cửa sắt của ngôi nhà và chở đi bán tại cửa hàng thu mua phế liệu của bà Trần Thị V (trú tại: khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) được số tiền 100.000 đồng, số tiền này N đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 09/KLĐG-HĐĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện D, xác định: 01 cánh cửa sắt rộng khoảng 0,6m, dài khoảng 2,1m, màu xanh đã cũ, bị rỉ, bong tróc sơn bên ngoài tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 98.000 đồng.

- **Vụ thứ hai:** Khoảng 11 giờ 00 phút ngày 17/12/2023, với cùng phương thức, thủ đoạn như trước, Lê Trịnh N tiếp tục lấy trộm 01 cánh cửa sắt của nhà bà Nguyễn Thị C mang ra xe máy. Tuy nhiên chuẩn bị mang đi thì bị bà Võ Thị Phương Đ (trú tại thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam) phát hiện hô hoán. Nghe vậy, N hoảng sợ bỏ cửa sắt xuống đường và bỏ chạy về nhà. Đến ngày 22/12/2023, Công an xã T mời N đến trụ sở làm việc. Tại đây, N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 09/KLĐG-HĐĐGTS ngày 25/01/2024 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện D, xác định: 01 cánh cửa sắt rộng khoảng 0,6m, dài khoảng 2,1m, màu xanh đã cũ, bị rỉ, bong tróc sơn bên ngoài tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 98.000 đồng.

- **Vụ thứ ba:** Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/12/2023, Lê Trịnh N điều khiển xe mô tô hiệu Boss biển kiểm soát 92N7-8514 đến khu vực sân bóng đá tại tổ 7, khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam thì thấy có 01 khung thành bằng kim loại sắt, gãy đôi, hoen rỉ thì N định lấy nhưng thấy có người đi qua nên N không lấy. Sau đó, N đi bộ qua trường mẫu giáo số 2 N, lúc này trường đóng cửa và không có ai trông coi nên N leo hàng rào công trước vào trường. Sau khi vào được bên trong trường, N lên tầng 1 thì thấy có 18 thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn có đặc điểm

dài 2m, đường kính 1,5cm để ở hành lang nên N lấy trộm đem ra chỗ hàng rào ra khỏi trường thì bị Công an thị trấn N phát hiện.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 05/KLĐG-HĐĐGTS ngày 10/01/2024 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện D, xác định: 18 thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn có đặc điểm giống nhau có kích thước dài 2m, đường kính 1,5cm tại thời điểm bị mất trộm có giá trị là 256.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Trịnh N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số: 48/CT-VKSDX ngày 06/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Xuyên đã truy tố bị cáo Lê Trịnh N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Trịnh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo 06 đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, vật chứng bị thu giữ như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đến vụ án tất cả khai nhận phù hợp lời khai của bị cáo như đã cung cấp trong giai đoạn điều tra.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

{2.1} Về hành vi, căn cứ buộc tội bị cáo: Xét lời nhận tội của bị cáo Lê Trịnh N tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản khám nghiệm hiện trường; biên bản kiểm tra, xác định nơi xảy ra sự việc; kết luận định giá tài sản; vật chứng thu giữ cùng với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra chứng minh có tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên từ ngày 16/12/2023 đến ngày 17/12/2023, bị cáo Lê Trịnh N đã 03 lần thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện D trong đó trộm cắp 02 cánh cửa bằng sắt của bà Nguyễn Thị C (trú tại thôn V, xã T, huyện D, tỉnh Quảng Nam) với giá trị 196.000 đồng và 18 thanh sắt bằng kim loại tại trường mầm non số 2 N (thuộc khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) với giá trị

256.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo N chiếm đoạt trái pháp luật có giá trị là 452.000 đồng.

Mặc dù tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 452.000 đồng (không đủ yếu tố định lượng) nhưng ngày 16/02/2023, bị cáo Lê Trịnh N đã bị UBND thị trấn N xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”, đã nộp phạt hành chính nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính. Đến ngày 16/12/2023, bị cáo N tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên lần phạm tội này của N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như nội dung truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

{2.2} Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì thấy: Tài sản hợp pháp của tổ chức, công dân được pháp luật bảo hộ, đồng thời xử phạt nghiêm minh những ai có hành vi xâm phạm bất hợp pháp đến quyền sở hữu tài sản đó. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị cơ quan chức năng xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi “Trộm cắp tài sản” nhưng không ăn năn hối cải, lấy đó làm bài học để cải tạo thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp. Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp. Phương thức thủ đoạn thực hiện việc phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của các chủ sở hữu trong việc quản lý trông coi tài sản đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hành vi mà bị cáo gây ra là hết sức nguy hiểm cho xã hội, không chỉ trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức, công dân được pháp luật bảo hộ, mà còn gây ra nhiều tác hại xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, theo quy định của pháp luật cần phải xử phạt bị cáo tương xứng với hành vi thực hiện việc phạm tội đã gây ra và nhân thân để có điều kiện cải tạo giáo dục riêng, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội là cần thiết.

Tuy nhiên xét thấy, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại bà Nguyễn Thị C tài sản trộm cắp đem bán, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt đại diện bị hại trường mầm non số 2 N và bị hại bà Nguyễn Thị C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết này để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

{2.3} Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại trường mầm non số 2 N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và bị hại bà Nguyễn Thị C đã nhận lại 01 cánh cửa sắt không yêu cầu bị cáo Lê Trịnh N bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 cánh cửa bằng sắt mà bị cáo Lê Trịnh N trộm cắp của bị hại bà Nguyễn Thị C đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Nghĩa đã bồi thường cho bà C xong và bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2.4} Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại 01 cánh cửa sắt rộng khoảng 0,6m, dài khoảng 2,1m, màu xanh đã cũ, bị rỉ, bong tróc sơn bên ngoài cho bà Nguyễn Thị C; 18 thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn có đặc điểm giống nhau kích thước dài 02m, đường kính 1,5cm cho đại diện trường mầm non số 2 N và 01 xe mô tô hiệu Boss biển kiểm soát 92N7-8514 cho bà Dương Thị M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{2.5} Vấn đề liên quan đến vụ án: Đối với bà Trần Thị V (trú tại khối phố P, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam) là chủ cơ sở mua bán phế liệu, là người mua tài sản trộm cắp của bị cáo Lê Trịnh N nhưng bà V không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm pháp lý đối với bà V là phù hợp.

Đối với bà Dương Thị M (trú tại khối phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Quảng Nam là mẹ ruột bị cáo N) là chủ sở hữu xe mô tô hiệu Boss biển kiểm soát 92N7-8514, bị cáo Lê Trịnh N sử dụng xe mô tô trên vào việc trộm cắp tài sản thì bà M không biết nên không xem xét trách nhiệm pháp lý và trả lại xe mô tô trên cho bà M là phù hợp.

{2.6} Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo **Lê Trịnh N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Trịnh N **06 (Sáu)** tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 01/3/2024.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Trịnh N phải chịu **200.000** đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để xin xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 28/5/2024*). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc từ ngày niêm yết bản sao bản án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Chi cục THADS huyện D;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái

